

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **131/2022/HNGĐ-ST**

Ngày: 01/8/2022

“V/v *Ly hôn*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Mai Hoa.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Hoàn.

Ông Phạm Công Định.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Ngọc Anh - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương: Bà Phạm Thị Quyên - Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở, Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 261/2021/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 11 năm 2021, về việc “*Ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 146/2022/QĐXX-HNGĐ ngày 16 tháng 6 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 103/2022/QĐ-ST ngày 06 tháng 7 năm 2022; Thông báo về việc thay đổi thời gian mở phiên tòa số 18/2022/TB-TA ngày 22 tháng 7 năm 2022, giữa:

- Nguyên đơn: Ông Bùi Như Th, sinh năm 1973

ĐKKHKT: Thôn ĐH, xã HL, huyện TH, tỉnh Hải Dương.

Nơi làm việc: Công ty TNHH bao bì HS; Địa chỉ: Lô B2, Khu công nghiệp NĐC, đường NDC, phường TP, thành phố TB, tỉnh TB (đề nghị xin xét xử vắng mặt).

- Bị đơn: Bà Bùi Thị H, sinh năm 1973

Địa chỉ trước khi xuất cảnh: Thôn ĐH, xã HL, huyện TH, tỉnh Hải Dương.

Địa chỉ hiện nay: Đài Loan (vắng mặt).

- Người làm chứng: Chị Bùi Thị H1, sinh năm 1993,

Địa chỉ: Đội 12, thôn ĐS, xã HH, thị xã KM, tỉnh Hải Dương (đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn xin ly hôn, quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Bùi Như Th trình bày:

- *Về quan hệ vợ chồng*: Ông và bà Bùi Thị H được tự do tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã HL, huyện NT, tỉnh Hải Hưng (nay là xã HL, huyện TH, tỉnh Hải Dương) vào ngày 20/8/1992. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống với nhau hạnh phúc đến năm 2011 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn bắt nguồn từ sự khác biệt về quan điểm, cách thức giải quyết nhiều vấn đề phát sinh trong đời sống chung của gia đình, vợ chồng thường xuyên xảy ra to tiếng, cãi nhau. Mâu thuẫn ngày càng trầm trọng mà không thể khắc phục được, hôn nhân ngột ngạt, ức chế, căng thẳng, vợ chồng không còn muốn sống chung cùng nhau nên từ năm 2012, ông đã nhiều lần đi làm ăn xa, ít khi về nhà. Năm 2014, bà H tự làm thủ tục đi xuất khẩu lao động ở Đài Loan, để lại con ở nhà cùng ông bà nội. Năm 2019, ông về quê sinh sống. Kể từ đó đến nay bà H chưa về nước, hai vợ chồng sống ly thân, không còn quan tâm hay liên lạc gì với nhau. Nhận thấy vợ chồng xa cách nhau đã lâu, mâu thuẫn đã đến mức trầm trọng, không thể hàn gắn được nữa, nay ông xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà H.

- *Về con chung*: Ông và bà H có 02 con chung là Bùi Thị H1, sinh ngày 18/11/1993 và Bùi Như T, sinh ngày 03/9/2001, các con đều đã trưởng thành, khỏe mạnh bình thường, tự chăm lo được cho bản thân, do đó ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về tài sản chung, nợ chung*: Vợ chồng tự thỏa thuận, không đề nghị Tòa án giải quyết.

* Bị đơn: Trong quá trình giải quyết vụ án do ông Th không cung cấp được địa chỉ của bà H tại Đài Loan nên Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương đã xác minh qua gia đình bà H, đồng thời yêu cầu gia đình cung cấp địa chỉ của bà H. Chị Bùi Thị H1 là con gái của ông Th, bà H xác định: Bà H hiện làm ăn, sinh sống tại Đài Loan nhưng chị không biết địa chỉ cụ thể của bà H nên không cung cấp được cho Tòa án. Quá trình Tòa án làm việc với chị H1 và ông Th, bà H có điện về trình bày quan điểm đối với yêu cầu khởi kiện của ông Th trước sự chứng kiến của chị H1 như sau: Bà hiện đang làm ăn, sinh sống tại Đài Loan, bà tiếp tục đề nghị chị H1 nhận thay bà các văn bản tố tụng của Tòa án và thông báo lại cho bà. Về thời điểm kết hôn, mâu thuẫn vợ chồng và con chung như ông Th trình bày là đúng. Ông Th kiên quyết xin ly hôn, bà không nhất trí ly hôn. Mặc dù, ông Th đã có giấy cam kết và thỏa thuận với bà về phần tài sản nhưng bà vẫn yêu cầu ông Th phải giải quyết

xong về phần tài sản bà mới đồng ý ly hôn. Tòa án đã giải thích và hướng dẫn bà làm đơn đề nghị giải quyết về phần tài sản, tuy nhiên bà không làm đơn đề nghị giải quyết về phần tài sản, tùy ông Th giải quyết.

* Người làm chứng: Chị Bùi Thị H1 xác định tại các buổi làm việc với Tòa án, bà H có điện về trình bày quan điểm đối với yêu cầu khởi kiện của ông Th. Chị có chứng kiến và xác định các nội dung bà H trình bày với Tòa án. Chị xác định bà H hiện đang làm việc tại Đài Loan nhưng chị không cung cấp được địa chỉ của bà H, ông Th (bố chị) đã viết giấy cam kết và thỏa thuận về tài sản đối với bà H. Chị đề nghị được nộp giấy cam kết của ông Th để lưu hồ sơ vụ án. Chị nhất trí tiếp tục nhận thay các văn bản tố tụng Tòa án gửi và thông báo cho bà H.

Tại phiên tòa:

Ông Th có đơn xin xét xử vắng mặt và có quan điểm giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Bị đơn bà H vắng mặt tại phiên tòa không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Bị đơn không chấp hành đúng quy định Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Xử cho ông Bùi Như Th được ly hôn bà Bùi Thị H; Ông Th phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Ông Bùi Như Th có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương giải quyết ly hôn giữa ông với bà Bùi Thị H. Bà H hiện đang sinh sống và lao động tại Đài Loan. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 37, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

Ông Th không cung cấp được địa chỉ của bà H tại Đài Loan. Theo hướng dẫn tại Công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân Tối cao, Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương đã yêu cầu ông Th và gia đình bà H cung cấp địa chỉ nhưng ông Th và gia đình bà H không cung cấp được. Quá trình giải quyết vụ án, bà H đã điện qua Messenger xác định hiện

bà đang làm việc tại Đài Loan nhưng không cung cấp được địa chỉ cho Tòa án. Do vậy, áp dụng Công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân Tối cao, Tòa án tiến hành giải quyết vụ án theo thủ tục cố tình giấu địa chỉ.

Tại phiên tòa, ông Th, chị H1 có đơn xin xét xử vắng mặt, bà H vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt ông Th, bà H, chị H1.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Ông Bùi Như Th và bà Bùi Thị H được tự do tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã HL, huyện NT, tỉnh Hải Hưng (nay là xã HL, huyện TH, tỉnh Hải Dương) vào ngày 20/8/1992 là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống với nhau được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Vợ chồng sống ly thân nhiều năm nay, hai bên còn không quan tâm đến nhau. Nay ông Th xác định tình cảm vợ chồng không còn và đề nghị Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà H. Bà H có quan điểm không nhất trí ly hôn theo yêu cầu của ông Th, tuy nhiên không có biện pháp gì để khắc phục mâu thuẫn vợ chồng. Xét thấy thực tế ông Th và bà H không chung sống cùng nhau từ nhiều năm và không còn quan tâm đến nhau, mâu thuẫn của ông Th và bà H đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, việc ông Th xin ly hôn bà H là phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình nên được chấp nhận.

[2.2]. Về tài sản chung, nợ chung:

Ông Th xác định vợ chồng có tài sản chung và nợ chung nhưng đề nghị để các bên tự thỏa thuận không đề nghị Tòa án giải quyết. Bà H đã được Tòa án giải thích và hướng dẫn nếu đề nghị Tòa án giải quyết về tài sản chung và nợ chung thì phải có đơn kèm theo tài liệu, chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện. Tuy nhiên, bà H xác định không làm đơn đề nghị Tòa án giải quyết mà tùy ông Th giải quyết. Do các đương sự không ai có đơn đề nghị Tòa án giải quyết về tài sản trong vụ án nên Hội đồng xét xử không xem xét. Nếu sau này các đương sự có đề nghị giải quyết về tài sản sẽ được xem xét tại vụ án khác theo quy định của pháp luật.

[3]. Về án phí: Ông Th phải chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm.

[4]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì những lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 37, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản

1 và khoản 3 Điều 228, Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH 13 ngày 25/11/2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1]. Về quan hệ vợ chồng: Xử cho ông Bùi Như Th được ly hôn với bà Bùi Thị H.

[2]. Về án phí: Ông Bùi Như Th phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí ông Th đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2020/0004596 ngày 16/11/2021 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương (ông Th đã thực hiện xong nghĩa vụ án phí).

[3]. Về quyền kháng cáo: Ông Bùi Như Th vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật; Bà Bùi Thị H vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Các đương sự;
- Cục THADS tỉnh Hải Dương;
- UBND xã HL, huyện TH, tỉnh Hải Dương;
- Lưu hồ sơ, VP, Tòa GD&NCTN.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Mai Hoa